

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG HOA LILY MANISSA CHO MỘT SỐ VÙNG MIỀN BẮC VIỆT NAM

Lê Thị Thu Hương¹, Nguyễn Xuân Kết¹, Nguyễn Thị Hồng Nhung¹

TÓM TẮT

Nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của hoa lily tại miền Bắc Việt Nam việc tuyển chọn các giống hoa lily mới có màu sắc phong phú, thời gian sinh trưởng ngắn, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng là việc làm cần thiết. Do vậy, từ năm 2011 Viện Nghiên cứu Rau quả đã tiến hành nhập nội và đánh giá tập đoàn 10 giống hoa lily có nguồn gốc từ Hà Lan. Kết quả đã tuyển chọn được giống hoa lily Manissa phù hợp với điều kiện vụ đông miền Bắc Việt Nam. Giống này có đặc điểm: thời gian sinh trưởng ngắn khoảng 77-83 ngày, chiều cao cây trung bình 116,6-126,2 cm, số nụ hoa/cây 3-5 nụ, cây sinh trưởng, phát triển tốt, hoa màu vàng tươi, thân cứng và đặc biệt chống chịu tốt với bệnh ‘cháy ngọn’ và thối củ. Hiệu quả đồng vốn thu được từ trồng giống Manissa đạt 1,09-1,15 lần.

Từ khoá: Chi *Lilium*, giống lily Manissa, lily Sorbonne, tuyển chọn giống.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay hoa lily (*Lilium* sp.) là một trong các loại hoa đang được ưa chuộng và có giá trị kinh tế cao trên thế giới và ở Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu trong nước về tuyển chọn giống, các biện pháp canh tác,... đã cho thấy cây hoa lily có khả năng thích ứng tốt với điều kiện trồng ở Việt Nam và được người tiêu dùng ưu chuộng. Chính vì thế hoa lily đang trở thành loại hoa được trồng vào vụ đông ở hầu khắp các tỉnh miền Bắc Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện tại chủng loại giống hoa lily thích hợp trồng tại miền Bắc nước ta vẫn còn hạn chế như giống hoa lily Sorbonne, giống đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận chính thức năm 2009, chiếm đến 90% trong cơ cấu giống hoa lily hiện nay và giống lily Belladonna (được công nhận là giống cho sản xuất thử ở các tỉnh phía Bắc năm 2011) (Đặng Văn Đông và cộng sự, 2009; Trịnh Khắc Quang và cộng sự, 2011). Trong khi nhu cầu thực tế luôn đòi hỏi cần những giống hoa

lily mới, đẹp, màu sắc hấp dẫn. Tại một số vùng, người trồng hoa đã tự nhập giống từ nước ngoài nhằm bổ sung vào bộ giống cũ, song việc nhập giống rất bất cập vì giá thành cao, nhiều giống nhập về tỏ ra không thích ứng và dễ dẫn tới tình trạng bị động, gây thiệt hại cho người sản xuất.

Xuất phát từ vấn đề nêu trên, chúng tôi đã tiến hành đề tài: “Nghiên cứu, tuyển chọn giống hoa lily Manissa cho một số vùng miền Bắc Việt Nam”.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Năm 2011, Viện Nghiên cứu Rau quả đã nhập nội tập đoàn 10 giống lily từ Hà Lan (bao gồm các giống thuộc 2 nhóm giống: Oriental-hybrids (giống lai Phương đông) và OT-hybrids (giống lai loa kèn)) (Bảng 1) về trồng thử nghiệm tại Gia Lâm - Hà Nội. Củ giống có chu vi 18/20, đã được xử lý lạnh để phá ngủ và bật mầm dài 3 cm. Giống Sorbonne là giống đối chứng.

Bảng 1. Tập đoàn giống hoa lily tham gia thí nghiệm

TT	Tên giống	Nhóm	Màu sắc hoa	TGST* (ngày)
1	Conca d'Or	OT- Hybrids	Vàng đậm	95-100
2	Manissa	OT- Hybrids	Vàng	95-110
3	Pink Palace	OT- Hybrids	Tím hồng	110-120
4	Yelloween	OT- Hybrids	Vàng	100-110
5	Bernini	Oriental- Hybrids	Hồng đậm	100-110
6	Cherbourg	Oriental- Hybrids	Vàng/trắng	100-110
7	Donker Roze	Oriental- Hybrids	Tím đậm	110-120
8	La Mancha	Oriental- Hybrids	Hồng đậm/trắng	90-100
9	Tiber	Oriental- Hybrids	Hồng đậm	100-110
10	Sorbonne (đ/c)	Oriental- Hybrids	Hồng	100-110

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả

Ghi chú: Giống lily Sorbonne đã được Bộ NN&PTNT công nhận là giống chính thức theo QĐ số 162/QĐ-TT-CLT ngày 04/6/2009

(*) Thời gian sinh trưởng (TGST) tại nơi xuất xứ (Hà Lan)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Nội dung nghiên cứu

- Năm 2011: Đánh giá tập đoàn 10 giống hoa lily nhập nội tại Viện Nghiên cứu Rau Quả - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội. Tuyển chọn được 2 giống có triển vọng là Conca d'Or và Manissa.

- Năm 2012: Khảo nghiệm cơ bản 2 giống hoa lily Conca d'Or và Manissa tại Viện Nghiên cứu Rau Quả, đối chứng là giống lily Sorbonne. Kết quả chọn được giống ưu tú là giống lily Manissa.

- Năm 2013: Khảo nghiệm sản xuất giống hoa lily Manissa tại Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn La, Hải Phòng, đối chứng là giống lily Sorbonne.

2.2.1 Phương pháp bố trí nghiệm

- Đối với thí nghiệm trồng khảo nghiệm giống năm 2011, mỗi giống gồm có 375 củ được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô là 5 m², 25 củ/m², thời vụ trồng: vụ đông (từ ngày 22/9-29/10 âm lịch).

- Thí nghiệm khảo nghiệm năm 2012 và 2013 được bố trí theo kiểu tuần tự không nhắc lại. Diện tích mỗi giống là 1000 m². Thời vụ trồng: từ ngày 22/9-29/10 âm lịch.

Các yếu tố phi thí nghiệm được thực hiện đồng nhất như nhau trên các công thức. Kỹ thuật chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh và một số biện pháp khác được áp dụng theo quy trình trồng hoa lily tạm thời của Viện NC Rau quả, 2011.

2.3.1 Các chỉ tiêu theo dõi

Chỉ tiêu về các đặc điểm hình thái (thân, lá, hoa); các chỉ tiêu về sinh trưởng, phát triển (thời gian sinh trưởng (TGST), chiều cao cây, số lá, đường kính thân); các chỉ tiêu đánh giá chất lượng hoa (số nụ/cây, đường kính nụ, chiều dài nụ, đường kính hoa, độ bền cành hoa); các chỉ tiêu đánh giá sâu bệnh hại trên đồng ruộng được đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng (QCVN 01-38:2010/BNNPTNT); hiệu quả đồng vốn (lần).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả tuyển chọn

Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của các giống hoa lily tham gia thí nghiệm được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Đặc điểm sinh trưởng của các giống lily trong tập đoàn (vụ đông, 2011)

TT	Tên giống	Tỷ lệ mọc (%)	Cao cây cuối cùng (cm)	Số lá cuối cùng (lá/cây)	Đường kính thân (cm)	TGST (ngày)
1	La Mancha	98,0	88,6	61	0,74	90
2	Bernini	95,0	108,1	51,4	0,69	95
3	Cherbourg	97,0	96,0	52,9	0,69	96
4	Tiber	96,0	89,0	54,0	0,72	85
5	Conca d'Or	98,5	93,7	48	1,02	83
6	Pink Palace	97,0	112,9	38,3	0,75	82
7	Yelloween	99,0	110,9	93,3	0,78	72
8	Donker Roze	98,0	108,1	54,3	0,74	102
9	Manissa	99,0	120,5	70	1,11	85
10	Sorbonne (đ/c)	97,0	99,1	55,1	0,77	92
	CV(%)		4,11	5,30	3,31	
	LSD _{0,05}		5,32	4,28	0,12	

- Tỷ lệ mọc của các giống lily tương đối cao dao động 95,0-99,0%; chênh lệch giữa các giống không nhiều do các giống đều đã được xử lý ra mầm trước khi trồng.

- Chiều cao cây của các giống ở thời điểm thu hoạch chênh lệch nhau rất lớn. Cao nhất là giống Manissa (120,5 cm), thấp nhất là giống La Mancha (88,6 cm). Chiều cao cây của các giống

có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó là cơ sở để quyết định mục đích trồng hoa cắt cành hay trồng để chơi chậu. Kết quả theo dõi cho thấy hầu hết các giống lily tham gia thí nghiệm đều có thể thích hợp với cả mục đích trồng chậu và cắt cành. Tuy nhiên, giống Yelloween, Pink Palace và Manissa thích hợp hơn khi làm hoa cắt cành; các giống còn lại thích hợp với mục đích trồng chậu.

- Đối với các giống lily thí nghiệm, giống Yelloween có số lá nhiều nhất là 93,3 lá/cây, giống Pink Palace có số lá thấp nhất là 38,3 lá/cây, các giống còn lại hầu hết có số lá trung bình 40,7 – 70 lá.

- Đường kính thân: 2 giống Conca d'Or và Manissa có đường kính thân đạt cao nhất 1,02 cm và 1,11 cm, các giống khác có đường kính thân dao động 0,69 – 0,78 cm.

- Thời gian sinh trưởng của các giống lily phụ thuộc rất nhiều vào đặc tính của giống, thời vụ

trồng, điều kiện thời tiết vùng trồng và biện pháp kỹ thuật tác động. Theo dõi cho thấy: Thời gian từ trồng đến thu hoạch (TGST) của các giống lily thuộc nhóm Oriental (85 - 102 ngày) dài hơn thời gian sinh trưởng của các giống lily của nhóm OT (72 – 85 ngày). Giống có thời gian sinh trưởng ngắn nhất là giống Yelloween (72 ngày), dài nhất là giống Donker Roze (102 ngày). Đối với các giống lily trồng thí nghiệm, nhóm giống OT (Pink Palace, Conca d'Or, Manissa, Yelloween) có thời gian sinh trưởng chênh lệch khá nhiều so với khi chúng được trồng ở nơi nguyên sản (Hà Lan), trung bình từ 25 ngày (Yelloween) đến 31 ngày (Pink Palace).

Chất lượng hoa là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá khả năng thương mại hoá của giống khi đưa ra thị trường. Chất lượng hoa gồm các chỉ tiêu: Số hoa/cây, chiều dài cành, đường kính cành hoa, chiều dài nụ, đường kính hoa, thể hoa,...

Bảng 3. Chất lượng hoa của các giống lily (vụ đông, 2011)

TT	Tên giống	Số nụ/ Cây (hoa)	Chiều dài nụ (cm)	Đường kính nụ (cm)	Đường kính hoa (cm)	Độ bền cành hoa (ngày)
1	La Mancha	6,0	12,0	3,3	18,2	9
2	Bernini	4,3	10,9	2,9	17,8	8
3	Cherbourg	3,5	11,3	3,6	19,0	9
4	Tiber	4,8	10,6	3,1	16,4	8
5	Conca d'Or	3,9	12,0	3,7	18,0	10
6	Pink Palace	2,4	11,8	2,8	18,5	6
7	Yelloween	4,7	10,2	2,2	14,9	7
8	Donker Roze	4,9	11,6	3,3	22,0	9
9	Manissa	3,9	12,7	3,6	20,6	10
10	Sorbonne(đ/c)	6,2	10,7	2,9	19,0	10
	CV(%)	6,27	5,91	4,82		
	LSD _{0,05}	1,28	0,75	0,21		

Hầu hết các giống đều có độ bền hoa cắt dao động 7-10 ngày.

Nhìn chung, số nụ/ cây của nhóm Oriental khoảng 3,5-6,2 nụ, khá đồng đều và nhiều hơn so với nhóm OT từ 2,4 đến 4,7 nụ. So với giống đối chứng Sorbonne, chiều dài nụ của các giống La Mancha, Cherbourg, Pink Palace và Donker Roze cao hơn với số đo trung bình đạt 11,3 cm-12,4 cm.

So sánh chỉ tiêu chất lượng của các giống lily trong thí nghiệm cho thấy: 2 giống hoa lily (Conca d'Or và Manissa) có chất lượng hoa đạt cao nhất.

Hình thái, màu sắc và hương thơm là chỉ tiêu quan trọng để phân biệt giữa các giống lily và cũng là chỉ tiêu đánh giá chung về chất lượng của một giống hoa, quyết định đến giá cả cũng như hiệu quả kinh tế trong sản xuất hoa nói chung và lily nói riêng.

